



ĐỀ ÁN TUYỂN SINH NĂM 2020

PHẦN III

TUYỂN SINH ĐÀO TẠO THẠC SĨ

Trường Đại học Mở Hà Nội tuyển sinh 400 chỉ tiêu đào tạo trình độ Thạc sĩ học theo hình thức tập trung các chuyên ngành sau:

TT	Chuyên ngành	Mã ngành	Thời gian đào tạo
1	Kỹ thuật điện tử	8520203	1,5 năm
2	Kỹ thuật viễn thông	8520208	
3	Ngôn ngữ Anh	8220201	2 năm
4	Quản trị kinh doanh	8340101	
5	Kế toán	8340301	
6	Luật kinh tế	8380107	
7	Công nghệ sinh học	8420201	
8	Công nghệ thông tin	8480201	
9	Luật hình sự và tố tụng hình sự (dự kiến sẽ mở trong năm 2020)	8380104	

I. Đối tượng và điều kiện dự tuyển:

1. Là công dân nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam có nguyện vọng học thạc sĩ phải có các điều kiện sau để thi tuyển:

a. Về văn bằng:

- Đã tốt nghiệp đại học ngành đúng, ngành phù hợp, ngành gần, ngành khác với chuyên ngành đăng ký dự thi, cụ thể như sau:

+ Chuyên ngành Luật kinh tế:

Nội dung	Ngành đào tạo/Danh hiệu trên bằng tốt nghiệp đại học
Ngành đúng	Luật Kinh tế
	Luật Kinh doanh
	Luật Thương mại
Ngành phù hợp	Luật học
	Luật
	Luật quốc tế
	Cử nhân Luật

+ Chuyên ngành Kỹ thuật điện tử và Kỹ thuật viễn thông:

Nội dung	Ngành đào tạo trên bằng tốt nghiệp đại học	Số môn học bổ sung KT	Tên môn học bổ sung kiến thức
Ngành đúng và ngành phù hợp	Kỹ thuật điện	0 môn	
	Kỹ thuật điện tử - viễn thông		
	Kỹ thuật y sinh		
	Kỹ thuật ra đa dẫn đường		
	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá		
	Kỹ thuật thủy âm		
	Kỹ thuật biển		
	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử		
	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông		
	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu		
	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hoá		
Ngành gần	Khoa học máy tính	Tối thiểu 3/6 môn học (2 tín chỉ/môn)	1. Lý thuyết mạch 2. Kỹ thuật mạch 3. Kỹ thuật số & mạch logic 4. Trường và sóng điện từ 5. Thông tin số và truyền số liệu 6. Xử lý số tín hiệu
	Kỹ thuật máy tính		
	Kỹ thuật phần mềm		
	Kỹ thuật cơ điện tử		
	Hệ thống thông tin		
	Truyền thông và mạng máy tính		
	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử		
	Sư phạm kỹ thuật công nghiệp		
	An toàn thông tin		
	Công nghệ thông tin		

+ Chuyên ngành Ngôn ngữ Anh:

Nội dung	Ngành đào tạo trên bằng tốt nghiệp Đại học	Số môn học BSKT	Tên môn học bổ sung kiến thức
Ngành đúng, ngành phù hợp và ngành gần	Ngôn ngữ Anh	0 môn	
	Tiếng Anh		
	Sư phạm Tiếng Anh		
	Tiếng Anh sư phạm		

Những thí sinh dự thi chuyên ngành Ngôn ngữ Anh phải có bằng đại học chuyên ngành Ngôn ngữ Anh/Tiếng Anh do các trường đại học trong cả nước cấp.

+ Chuyên ngành Công nghệ sinh học:

Nội dung	Ngành đào tạo trên bằng tốt nghiệp đại học	Số môn học bổ sung kiến thức	Tên môn học bổ sung kiến thức
Ngành đúng	Công nghệ sinh học	0 môn	
Ngành phù hợp	Kỹ thuật sinh học		
	Sinh học ứng dụng		
Ngành gần	Công nghệ sau thu hoạch	Tổ thiểu 3/4 môn học (tối thiểu 10 tín chỉ)	1. Công nghệ protein và enzyme (4 tín chỉ) 2. Sinh học tế bào và phân tử (4 tín chỉ) và 1 môn tự chọn trong 2 môn sau: - Tối ưu hoá trong CNSH (2 tín chỉ) - Kỹ thuật gen vi sinh vật (2 tín chỉ)
	Công nghệ thực phẩm		
	Công nghệ chế biến thủy sản		
	Kỹ thuật môi trường		
	Lâm nghiệp		
	Sư phạm sinh		
	Sinh học		
	Chăn nuôi		
	Thủy sản		
	Nông nghiệp		

+ Chuyên ngành Công nghệ thông tin:

Nội dung	Bảng		Bảng điểm	Số môn học BSKT	Tên môn học bổ sung kiến thức
	Cử nhân, Kỹ sư	Ngành	Ngành/chuyên ngành		
Ngành đúng	Công nghệ thông tin	Công nghệ thông tin	Công nghệ thông tin	0 môn	
Ngành phù hợp	- Máy tính - Tin học - Công nghệ thông tin ...	Truyền thông và mạng máy tính	Truyền thông và mạng máy tính		
		Khoa học máy tính	Khoa học máy tính		
		Hệ thống thông tin	Hệ thống thông tin		
		Công nghệ phần mềm	Công nghệ phần mềm		
		Tin học ứng dụng	Tin học ứng dụng		
		Toán tin ứng dụng	Toán tin ứng dụng		
		Tin học quản lí	Tin học quản lí		
Ngành gần	Sư phạm, kỹ thuật tin học	Sư phạm kỹ thuật tin học/Tin học/Tin	Sư phạm kỹ thuật tin học/Tin học/Tin	3 môn (10 tín chỉ)	1. Kiến trúc máy tính 2. Cấu trúc dữ liệu và giải thuật 3. Công nghệ phần mềm
	-Toán học	Kỹ thuật máy tính	Kỹ thuật máy tính		
	- Điện tử ...	Điện tử tin học ...	Điện tử tin học ...		

+ Chuyên ngành Quản trị kinh doanh:

Nội dung	Ngành	Chuyên ngành	Số môn học BSKT	Tên môn học bổ sung kiến thức
Ngành đúng	Kinh doanh và quản lý	Quản trị kinh doanh	- 0 môn	
Ngành phù hợp	Kinh doanh và quản lý	- Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành - Quản trị khách sạn - Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống - Marketing - Bất động sản - Kinh doanh quốc tế - Kinh doanh thương mại		
Ngành gần	- Tài chính - Ngân hàng - Bảo hiểm	- Tài chính - Ngân hàng - Bảo hiểm - Kinh tế...	5 môn (3 tín chỉ/môn)	1. Quản trị tài chính 2. Quản trị chiến lược 3. Quản trị kinh doanh/ doanh nghiệp 4. Quản trị dự án 5. Quản trị chất lượng
	- Kế toán - Kiểm toán	- Kế toán - Kiểm toán		
	- Quản trị - Quản lý	- Khoa học quản lý - Quản trị nhân lực - Hệ thống thông tin quản lý - Quản trị văn phòng		
Ngành khác		Các chuyên ngành khác	14 môn (3 tín chỉ/môn)	1. Kinh tế vi mô 2. Kinh tế vĩ mô 3. Lý thuyết tài chính tiền tệ 4. Nguyên lý kế toán 5. Marketing 6. Nguyên lý thống kê 7. Quản trị tài chính 8. Quản trị chiến lược 9. Quản trị kinh doanh/ doanh nghiệp 10. Quản trị dự án 11. Quản trị chất lượng 12. Quản trị sản xuất 13. Quản trị nhân lực 14. Phân tích hoạt động kinh doanh

+ Chuyên ngành Kế toán:

Nội dung	Ngành đào tạo trên bằng tốt nghiệp Đại học	Số môn học BSKT	Tên môn học bổ sung kiến thức
Ngành đúng	Kế toán	0 môn	
Ngành phù hợp	Kiểm toán		
Ngành gần	1. Quản trị kinh doanh 2. Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành 3. Quản trị khách sạn 4. Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống 5. Marketing 6. Bất động sản 7. Kinh doanh quốc tế 8. Kinh doanh thương mại 9. Tài chính - Ngân hàng 10. Kinh tế ... 11. Bảo hiểm 12. Khoa học quản lí 13. Quản trị nhân lực 14. Hệ thống thông tin quản lí 15. Quản trị văn phòng	5 môn (3 tín chỉ/ môn)	1. Nguyên lí kế toán 2. Kế toán tài chính doanh nghiệp 3. Kiểm toán căn bản 4. Kế toán quản trị 5. Phân tích hoạt động kinh doanh
Ngành khác	Các chuyên ngành khác	11 môn (3 tín chỉ/ môn)	1. Nguyên lí kế toán 2. Kế toán tài chính doanh nghiệp (4 tín chỉ) 3. Kiểm toán căn bản 4. Kế toán quản trị 5. Phân tích hoạt động kinh doanh 6. Lí thuyết tài chính tiền tệ 7. Quản trị kinh doanh 8. Marketing 9. Thống kê doanh nghiệp 10. Kinh tế vi mô 11. Kinh tế vĩ mô

Riêng thí sinh đã tốt nghiệp đại học ngành gần với chuyên ngành Kế toán, đăng ký thi tuyển chuyên ngành Kế toán phải có tối thiểu 01 năm kinh nghiệm làm kế toán.

Riêng thí sinh đã tốt nghiệp đại học ngành khác với chuyên ngành Quản trị kinh doanh/Kế toán phải có tối thiểu 02 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực Quản trị kinh doanh/Kế toán.

Hội đồng chuyên môn sẽ xem xét chương trình đào tạo và bảng điểm để xét duyệt từng hồ sơ thuộc Ngành đúng/ Ngành phù hợp/ Ngành gần/ Ngành khác.

- Văn bằng đại học do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải nộp kèm xác nhận của Cục Quản lý chất lượng, Bộ GD&ĐT hoặc các cơ quan nhà nước có thẩm quyền khác.

b. Lí lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên và không trong thời gian thi hành án hình sự.

c. Có đủ sức khoẻ để học tập.

d. Nộp hồ sơ đầy đủ, đúng thời hạn theo quy định của Trường Đại học Mở Hà Nội.

2. Là công dân nước ngoài có nguyện vọng học thạc sĩ, Hiệu trưởng Trường Đại học Mở Hà Nội sẽ căn cứ vào ngành đào tạo, kết quả học tập ở trình độ đại học; trình độ ngôn ngữ theo yêu cầu của chương trình đào tạo và trình độ tiếng Việt để xét tuyển.

II. Các môn thi tuyển sinh, nội dung thi và dạng thức đề thi:

1. Các môn thi tuyển sinh:

TT	Chuyên ngành	Môn điều kiện	Môn cơ bản	Môn cơ sở ngành
1	Ngôn ngữ Anh	Ngoại ngữ II (Tùy chọn 1 trong 3 thứ tiếng: Nga; Pháp, Trung Quốc)	Lý thuyết ngôn ngữ Anh	Thực hành ngôn ngữ Anh
2	Kỹ thuật điện tử	Tiếng Anh		
3	Kỹ thuật viễn thông		Mạng máy tính	Kỹ thuật điện tử
4	Công nghệ thông tin		Toán học rời rạc	Kỹ thuật lập trình
5	Công nghệ sinh học		Vi sinh vật công nghiệp	Hoá sinh
6	Quản trị kinh doanh		Kinh tế vi mô	Quản trị kinh doanh
7	Kế toán			Kế toán tài chính
8	Luật kinh tế		Triết học Mác – Lênin (Thí sinh được phép sử dụng tài liệu theo quy định tại đề cương ôn tập)	Luật kinh tế (Thí sinh được phép sử dụng văn bản luật theo quy định tại đề cương ôn tập)

2. Thời gian các môn thi tuyển sinh:

- Các môn ngoại ngữ (Kỹ năng Đọc, Viết, Nghe): 125 phút

- Các môn thi khác: 180 phút

3. Nội dung thi và dạng thức đề thi

a. Nội dung kiến thức của đề thi nằm trong phạm vi đề cương ôn tập của chuyên ngành đã được Trường Đại học Mở Hà Nội phê duyệt và đã được công bố cho các thí sinh. Nội dung kiến thức của đề thi bao quát chương trình theo đề cương ôn tập.

b. Số lượng các câu hỏi của mỗi đề thi trong bộ đề của từng chuyên ngành giống nhau và tương đương về độ khó. Đề thi có tính năng phân loại để lựa chọn được thí sinh trúng tuyển theo thang điểm thi phân bố từ cao xuống thấp.

c. Đề thi môn ngoại ngữ: Đề thi đánh giá trình độ tiếng Anh tổng quát của thí sinh thuộc các ngành không chuyên tiếng Anh (hoặc tiếng Nga, Pháp, Trung Quốc thuộc chuyên ngành Ngôn ngữ Anh) được thiết kế để kiểm tra theo 4 kỹ năng: Đọc, Viết, Nghe, Nói.

Thời gian thi: Đọc, Viết: 90 phút; Nghe: 35 phút (gồm cả thời gian thí sinh đọc đề); Nói: 10 phút/1 thí sinh.

d. Đề thi các môn theo từng chuyên ngành: Đề thi được ra theo hình thức tự luận.

- Phương pháp tính điểm:

+ Tổng điểm bài thi tự luận là 10 điểm

+ Tổng điểm bài thi tiếng Anh của các ngành không chuyên tiếng Anh (hoặc tiếng Nga, Pháp, Trung Quốc của chuyên ngành Ngôn ngữ Anh) là 100 điểm (Đọc: 30 điểm, Viết: 30 điểm, Nghe: 20 điểm, Nói: 20 điểm)

- Hình thức thi: Thi viết trên giấy.

4. Đối tượng được miễn thi môn ngoại ngữ

Thí sinh có năng lực ngoại ngữ đúng với yêu cầu môn thi ngoại ngữ của Trường Đại học Mở Hà Nội thuộc một trong các trường hợp sau được miễn thi môn ngoại ngữ:

4.1. Có bằng tốt nghiệp đại học, thạc sĩ, tiến sĩ được đào tạo toàn thời gian ở nước ngoài, được cơ quan có thẩm quyền công nhận văn bằng theo quy định hiện hành;

4.2. Có bằng tốt nghiệp đại học chương trình tiên tiến theo đề án của Bộ Giáo dục và Đào tạo về đào tạo chương trình tiên tiến ở một số trường đại học của Việt Nam hoặc bằng kỹ sư chất lượng cao (PFIEV) được uỷ ban bằng cấp kỹ sư (CTI, Pháp) công nhận, có đối tác nước ngoài cùng cấp bằng;

4.3. Có bằng tốt nghiệp đại học ngành ngôn ngữ nước ngoài phù hợp với môn thi điều kiện;

4.4. Có chứng nhận đạt chuẩn đầu ra năng lực ngoại ngữ do Trường Đại học Mở Hà Nội cấp trong thời hạn 02 năm từ ngày cấp chứng nhận đến ngày được xét duyệt đủ điều kiện dự thi;

4.5. Có chứng chỉ trình độ ngoại ngữ tối thiểu bậc 3/6 trở lên theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam trong thời hạn 2 năm từ ngày cấp chứng chỉ đến ngày được xét duyệt đủ điều kiện dự thi, được cấp sau ngày 06/12/2018 bởi một trong các trường sau: Trường Đại học Ngoại ngữ - ĐHQG HN, Trường Đại học Ngoại ngữ - ĐH Đà Nẵng, Trường Đại học Ngoại ngữ - ĐH Huế, Trường Đại học Sư phạm TP HCM, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Trường Đại học Hà Nội, Đại học Thái Nguyên, Trường Đại học Cần Thơ, Trường Đại học Vinh, Học viện An ninh nhân dân, Trường Đại học Sài Gòn, Trường Đại học Ngân hàng TP HCM, Trường Đại học Trà Vinh, Trường Đại học Văn Lang hoặc công nhận theo bảng tham chiếu sau:

BẢNG THAM CHIẾU QUY ĐỔI MỘT SỐ CHỨNG CHỈ NGOẠI NGỮ

TƯƠNG ĐƯƠNG CẤP ĐỘ 3/6 KHUNG NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ 6 BẬC DÙNG CHO

VIỆT NAM ÁP DỤNG TRONG ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

(Kèm theo Thông tư số 15 /2014/TT-BGDĐT ngày 15/05/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT)

Tiếng Anh

Khung năng lực ngoại ngữ VN	IELTS	TOEFL	TOEIC	Cambridge Exam	BEC	BULATS	CEFR
Cấp độ 3	4.5	450 ITP 133 CBT 45 iBT	450	PET	Preliminary	40	B1

(Các điểm số nêu trên là điểm tối thiểu cần đạt được)

Một số tiếng khác

Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam	Tiếng Nga	Tiếng Pháp	Tiếng Trung
Cấp độ 3	TRKI 1	DEL F B1 TCF niveau 3	HSK cấp độ 3

Ghi chú: Đối với một số chứng chỉ quốc tế không thông dụng khác, Trường Đại học Mở Hà Nội sẽ xét duyệt sau khi xin ý kiến Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc quy đổi tương đương.

5. Đối tượng xét tuyển thẳng:

Những thí sinh đã tốt nghiệp đại học loại Giỏi trở lên trong thời hạn 01 năm tính đến ngày xét duyệt hồ sơ đăng ký dự thi, đã có bằng tốt nghiệp đại học ngành đúng hoặc ngành phù hợp với ngành ĐKDT được xét tuyển thẳng. Những thí sinh này không phải dự thi các môn cơ bản và môn cơ sở ngành, chỉ phải dự thi môn Ngoại ngữ (nếu thỏa mãn điều kiện tại Mục 4 Phần II thì được miễn thi môn Ngoại ngữ).

III. Đối tượng và chính sách ưu tiên

1. Đối tượng ưu tiên:

- Người có thời gian công tác liên tục từ 02 năm trở lên (*tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi*) tại các địa phương được quy định là khu vực 1 trong quy chế tuyển sinh hệ chính quy hiện hành. Trong trường hợp này, thí sinh phải có quyết định tiếp nhận công tác hoặc điều động, biệt phái công tác của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền;
- Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh;
- Con liệt sỹ;
- Anh hùng lực lượng vũ trang, anh hùng lao động;
- Người dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú từ 02 năm trở lên ở địa phương được quy định tại điểm a;
- Con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học được uỷ ban nhân dân cấp tỉnh công nhận bị dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt, học tập do hậu quả của chất độc hoá học.

2. Mức ưu tiên:

Người dự thi thuộc đối tượng ưu tiên trên (*bao gồm cả người thuộc nhiều đối tượng ưu tiên*) được cộng vào kết quả thi 10 điểm cho môn ngoại ngữ (*thang điểm 100*) và cộng 01 điểm (*thang điểm 10*) cho môn cơ bản.

IV. Hồ sơ dự thi (*hồ sơ đã nộp không trả lại*) gồm:

- Đơn xin dự thi (*theo mẫu*);
- Sơ yếu lý lịch có xác nhận của cơ quan hoặc chính quyền địa phương;
- Bản sao văn bằng tốt nghiệp đại học và bảng điểm (*có chứng thực*), các chứng chỉ bổ túc kiến thức (*nếu có*); Thí sinh tốt nghiệp đại học theo hình thức liên thông từ trung cấp/cao đẳng thì phải có bằng và bảng điểm trung cấp/cao đẳng; Nếu đăng ký dự thi theo văn bằng 2 thì phải có bằng và bảng điểm văn bằng 1;
- Giấy chứng nhận đối tượng ưu tiên (*nếu có*) (*có chứng thực*);
- Giấy chứng nhận đủ sức khỏe (*của bệnh viện đa khoa hoặc trung tâm Y tế*);
- 02 phong bì dán tem ghi địa chỉ của thí sinh, số điện thoại liên hệ; 03 ảnh 4 x 6 cm;

- Giấy xác nhận thời gian làm việc trong lĩnh vực quản trị kinh doanh (đối với hồ sơ đăng ký dự thi chuyên ngành QTKD, đối tượng có bằng tốt nghiệp đại học ngành khác).
- Giấy xác nhận thời gian làm Kế toán (đối với hồ sơ đăng ký dự thi chuyên ngành Kế toán, đối tượng có bằng tốt nghiệp đại học ngành gần và ngành khác).

Thí sinh tải đơn xin dự thi tại địa chỉ <http://tuyensinh.hou.edu.vn>, hồ sơ phát miễn phí tại điểm thu hồ sơ.

V. Thời gian phát hành, nhận hồ sơ, ôn thi, thi tuyển, công bố kết quả và nhập học:

TT	Nội dung	Thời gian
1	Phát hành và hạn cuối nhận hồ sơ	Từ 11/05/2020 đến 29/09/2020
2	Bắt đầu học bổ sung kiến thức	01/06/2020
3	Tổ chức xét duyệt điều kiện dự thi tuyển sinh	30/09/2020
4	Tổ chức thi tuyển sinh	16 → 18/10/2020
5	Công bố kết quả thi tuyển sinh	01/11/2020
6	Dự kiến thời gian nhập học	11/2020

Ghi chú: Các mốc thời gian là dự kiến và có thể điều chỉnh tùy theo điều kiện thực tế.

VI. Lệ phí thi tuyển và học phí:

- Lệ phí đăng ký dự thi: 100.000đ/thí sinh/hồ sơ
- Lệ phí thi: 150.000đ/thí sinh/môn dự thi
- Học phí: Theo quy định hiện hành của Trường Đại học Mở Hà Nội, áp dụng cho năm học 2020 - 2021. Cụ thể như sau:

TT	Ngành	Mức học phí theo niên chế (đồng/tháng)	Mức học phí theo tín chỉ (đồng/tín chỉ)
I	Học phí		
1	Kỹ thuật Điện tử Kỹ thuật Viễn thông	2,152,425	717,000
2	Công nghệ Thông tin		
3	Công nghệ Sinh học		
4	Ngôn ngữ Anh	2,052,600	684,000
5	Quản trị kinh doanh		
6	Kế toán		
7	Luật kinh tế		

VII. Địa điểm phát hành và thu hồ sơ:

Phòng Quản lý Đào tạo – Trường Đại học Mở Hà Nội (Phòng A1.3 và A1.4)

Địa chỉ: Nhà B101 Phố Nguyễn Hiền, Phường Bách Khoa, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Điện thoại: 024.38682299 - 024.38694821

Email: daotao@hou.edu.vn

Ghi chú: Danh sách thí sinh đủ điều kiện dự thi, lịch thi, địa điểm thi và mọi thông tin chi tiết về học bổ sung kiến thức và ôn thi tuyển sinh sẽ được đăng tải tại <http://tuyensinh.hou.edu.vn>

Hà Nội, ngày 22 tháng 06 năm 2020

Cán bộ kê khai



Nguyễn Tuấn

Số ĐT: 0984624368

Email: nguyentuan1981@hou.edu.vn

